

Bản án số: 08/2022/DS-ST  
Ngày: 05/08/2022  
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Luận; Bà Trần Thị Liên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên.

***-Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án.

Ngày 05 tháng 08 năm 2022 tại Nhà văn hoá khu T, thị trấn S, huyện N, tỉnh Hải Dương Tòa án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Trịnh Minh T, sinh năm 1977; Địa chỉ: M, Q, T, Hải Dương. Có mặt.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Thanh H – Luật sư – Văn phòng luật sư B – Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Khu 1, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Việt A, sinh năm 1982; ĐKKHKT: Khu N, thị trấn S, huyện N, tỉnh Hải Dương; Tạm trú: Số 3 M, khu N, thị trấn S, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai nguyên đơn anh Trịnh Minh Ttrình bày:*** Năm 2019 anh làm quen với một người phụ nữ qua mạng xã hội Zalo, sau khi gặp mặt người đó tự giới thiệu tên là Nguyễn Thị Kim A (sau này anh mới biết tên thật là Nguyễn Thị Việt A). Việt A đưa ra nhiều thông tin không đúng về bản thân để tạo niềm tin với anh, sau đó giữa hai người nảy sinh tình cảm. A lợi dụng tình cảm và sự tin tưởng của anh nhiều lần vay tiền của anh hoặc nhờ anh vay

tiền giúp. Anh nhiên lần chuyển tiền cho A vào tài khoản số 0341006828370 tại Ngân hàng Vietcom Bank. Ngoài ra, anh còn đưa tiền, vàng cho A, tổng cộng là 558.000.000đ, 7 chỉ vàng ta và 1 nhẫn đính ước. Đến tháng 12/2019 anh phát hiện bị A lừa để chiếm đoạt tài sản nên làm đơn trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hải Dương. Quá trình xác minh giải quyết đơn tố giác của anh Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự và hướng dẫn anh làm đơn khởi kiện đến Tòa án để giải quyết. Tổng số tiền, vàng anh đưa cho A là 558.000.000đ, 7 chỉ vàng ta và 1 nhẫn đính ước nhưng do anh không có căn cứ chứng minh nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số tiền anh chuyển cho chị A qua tài khoản tổng là 151.000.000đ và A có một vài lần chuyển trả lại cho anh tổng là 78.000.000đ, trừ A vẫn còn nợ anh là 73.000.000đ, do đó anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị A phải trả lại anh số tiền 73.000.000đ, anh không yêu cầu trả lãi.

*Theo biên bản ghi lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị Việt A trình bày:* Khoảng năm 2019 chị làm quen với anh T qua mạng xã hội Zalo, sau đó hai người gặp gỡ và nảy sinh tình cảm, đến khoảng cuối tháng 12/2019 chị và anh T bất đồng quan điểm nên chia tay. Trong khoảng thời gian chị và anh T có quan hệ tình cảm đã nhiều lần đi chơi, đi du lịch, ăn uống, mua sắm cùng nhau, anh T nhiên lần chuyển tiền vào tài khoản cho chị để chi phí cho việc ăn chơi, mua sắm. Cùng nhiều lần anh T nói với chị là anh T cần tiền hay có khó khăn về kinh tế thì chị lại chuyển tiền cho anh T. Số tiền anh T chuyển cho chị là bao nhiêu đến nay chị không nhớ nhưng sự việc này Công an tỉnh Hải Dương đã giải quyết và đã có kết luận, chị xác định số tiền anh T chuyển cho chị và số tiền chị chuyển lại cho anh T theo như kết quả xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hải Dương là chính xác. Chị xác định số tiền anh T kiện đòi chị không phải tiền chị vay anh T mà đó là do anh T tự nguyện chuyển cho chị nhưng nay anh T đòi lại chị số tiền 73.000.000đ chị chấp nhận trả lại cho anh T.

*Người làm chứng anh Bùi Thứ N trình bày:* Anh là chồng của chị A, việc chị A có vay tiền của anh T hay không anh không biết và anh không có liên quan gì đến số tiền anh T đang kiện đòi chị A nên đề nghị Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng và cho anh được vắng mặt tại phiên tòa.

Chị Nguyễn Thị Q trình bày: Trước kia chị và anh T là vợ chồng nhưng anh chị đã ly hôn từ ngày 26/9/2019, anh T khai với Tòa án anh T cho chị V vay tiền và chuyển tiền cho chị A trong thời gian anh chị vẫn còn chung sống nhưng từ tháng 9/2019 chị và anh T đã ly hôn, không còn liên quan đến nhau nên chị xác định không có liên quan gì và không có yêu cầu gì đối với số tiền anh T đang khởi kiện

đòi chị A. Đề nghị Toà án không đưa chị vào tham gia tố tụng và cho chị được vắng mặt tại phiên toà.

*Tại phiên toà sơ thẩm:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các quan điểm đã trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ là các bản kê tài khoản, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Hải Dương cung cấp, lời khai của các đương sự đã có đủ cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2019 anh T đã nhiều lần cho chị A vay tiền và chuyển tiền vào tài khoản cho chị A tổng là 151.000.000đ, chị A cũng đã chuyển trả lại cho anh T 78.000.000đ, đối trừ còn lại 73.000.000đ. Anh T xác định số tiền đó là anh chị A vay, chị A cho rằng số tiền đó là do anh T tự nguyện cho chị nhưng lại không đưa ra được căn cứ chứng minh. Anh T yêu cầu chị A phải trả lại anh số tiền 73.000.000đ là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn có lúc chưa chấp hành đúng quy định. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Minh T; Buộc chị Nguyễn Thị A phải trả cho anh Trịnh Minh T số tiền là 73.000.000đ; Về án phí: Chị A phải chịu toàn bộ án phí theo quy định, hoàn trả anh T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Việt A vắng mặt, có đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị A.

[2] Về nội dung: Anh T khởi kiện yêu cầu chị A phải trả cho anh số tiền 73.000.000đ và xác định số tiền đó là do anh cho chị A vay. Chị A trình bày chị không vay tiền của anh T mà do anh T tự nguyện chuyển tiền cho chị để hai người cùng đi ăn, chơi, mua sắm với nhau. Như vậy lời khai của anh T và chị A có mâu thuẫn nhau về việc có phát sinh giao dịch dân sự vay tài sản giữa hai

người hay không. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù chị A không thừa nhận, anh T cũng không cung cấp được chứng cứ là giấy vay tiền giữa anh và chị A, nhưng căn cứ vào các bản sao kê tài khoản của chị A tại Ngân hàng thương mại cổ phần N, sao kê tài khoản của anh Trịnh Minh T tại Ngân hàng thương mại cổ phần C và các tài liệu thu thập tại Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Hải Dương (các biên bản ghi lời khai của anh T, chị A; Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 07 ngày 17/7/2020, Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 2365 ngày 17/7/2020) có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2019 đến 12/2019 anh T nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của chị A tổng số tiền là 151.000.000đ và ngược lại chị A cũng chuyển vào tài khoản của anh T tổng số tiền là 78.000.000đ. Chị A cũng thừa nhận số tiền anh T đã chuyển cho chị và số tiền chị đã chuyển lại cho anh T như vậy là đúng. Do đó có đủ cơ sở xác định giữa chị A và anh T đã phát sinh giao dịch dân sự về việc vay tài sản là tiền. Xét khi tham gia giao kết hợp đồng các bên đều tự nguyện, nội dung và hình thức của giao dịch phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa hai bên. Số tiền anh T đã chuyển cho chị A vay tổng là 151.000.000đ, số tiền chị A đã chuyển trả anh T là 78.000.000đ, đối trừ chị A còn nợ anh T số tiền 73.000.000đ. Anh T yêu cầu chị A phải hoàn trả anh số tiền đó, không yêu cầu phải trả lãi, chị A trình bày mặc dù tiền là do anh T tự nguyện chuyển cho chị nhưng nay anh T đòi lại chị cũng chấp nhận hoàn trả lại cho anh T số tiền đó. Như vậy có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ, buộc chị A phải trả cho anh T số tiền là 73.000.000đ

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh T được chấp nhận nên chị A phải chịu án phí theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Minh T;

1. Buộc chị Nguyễn Thị Việt A phải trả cho anh Trịnh Minh T số tiền 73.000.000đ (*Bảy mươi ba triệu đồng chẵn*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền

chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị Việt A phải chịu 3.650.000đ (*Ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Trịnh Minh T 1.820.000đ (*Một triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2020/0003585 ngày 14 tháng 01 năm 2022.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đ- ơng sự;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký)**

**Đoàn Thị Thu Thúy**